

65

Bài

ÔN TẬP PHẦN SÁU (TIẾN HOÁ) VÀ PHẦN Bảy (SINH THÁI HỌC)

I - HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC

1. Hãy điền nội dung phù hợp vào bảng 65.1.

BÀNG 65.1 Các bảng chứng tiến hóa

Các bảng chứng	Vai trò
Cổ sinh vật học	
Giải phẫu học so sánh	
Phôi sinh học so sánh	
Địa lí sinh học	
Tế bào học và Sinh học phân tử	

2. Hãy điền nội dung phù hợp vào bảng 65.2.

BÀNG 65.2 So sánh các thuyết tiến hóa

Chi tiêu so sánh	Thuyết Lamarck	Thuyết Darwin	Thuyết hiện đại
Các nhân tố tiến hóa			
Hình thành đặc điểm thích nghi			
Hình thành loài mới			
Chiều hướng tiến hóa			

3. Hãy điền nội dung phù hợp vào bảng 65.3.

BÀNG 65.3 *Vai trò các nhân tố tiến hoá trong tiến hoá nhỏ*

Các nhân tố tiến hoá	Vai trò
Đột biến	
Giao phối không ngẫu nhiên	
Chọn lọc tự nhiên	
Di - nhập gen	
Các yếu tố ngẫu nhiên	

4. Hãy điền nội dung phù hợp vào bảng 65.4.

BÀNG 65.4 *Các đặc điểm cơ bản trong quá trình phát sinh sự sống và loài người*

Sự phát sinh	Các giai đoạn	Đặc điểm cơ bản
Sự sống	Tiến hoá hóa học	
	Tiến hoá tiền sinh học	
	Tiến hoá sinh học	
Loài người	Người tối cổ	
	Người cổ	
	Người hiện đại	

5. Hãy điền nội dung phù hợp vào bảng 65.5.

BÀNG 65.5 *Sự phân chia các nhóm sinh vật dựa vào giới hạn sinh thái*

Yếu tố sinh thái	Nhóm thực vật	Nhóm động vật
Ánh sáng		
Nhiệt độ		
Độ ẩm		

6. Hãy điền nội dung phù hợp vào bảng 65.6.

BẢNG 65.6 Quan hệ cùng loài và khác loài

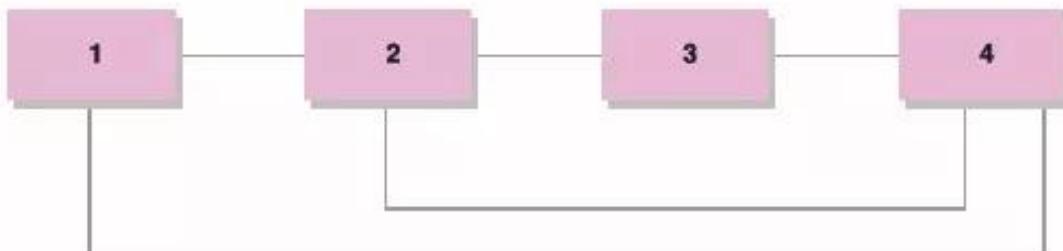
Quan hệ	Cùng loài	Khác loài
Hỗ trợ		
Cạnh tranh - Đối kháng		

7. Hãy điền nội dung phù hợp vào bảng 65.7.

BẢNG 65.7 Đặc điểm của các cấp độ tổ chức sống

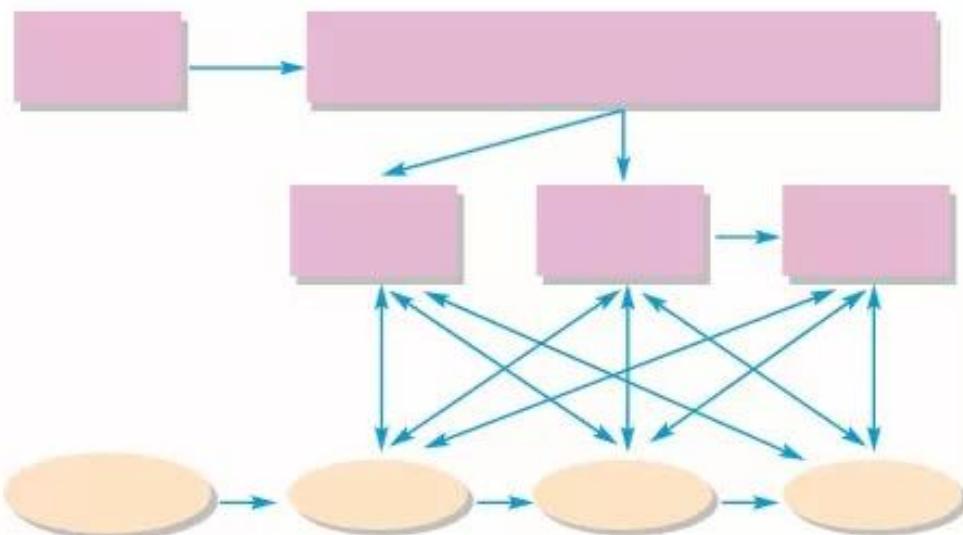
Các cấp độ tổ chức sống	Khái niệm	Đặc điểm
Quần thể		
Quần xã		
Hệ sinh thái		
Sinh quyển		

8. Hãy điền những cụm từ thích hợp và chiểu mũi tên vào các ô vuông ở sơ đồ chuỗi thức ăn (hình 65.1) dưới đây và giải thích :



Hình 65.1. Sơ đồ chuỗi thức ăn

9. Hãy điền các số thích hợp vào các ô hình chữ nhật và hình elip ở sơ đồ 65.2 dưới đây và giải thích



Hình 65.2. Sơ đồ mối quan hệ giữa các cấp độ tổ chức sống và môi trường

1. Môi trường ; 2. Các cấp độ tổ chức sống ; 3. Các nhân tố sinh thái ; 4. Cá thể ;
5. Vô sinh ; 6. Quán xã ; 7. Người ; 8. Quán thể ; 9. Hữu sinh.

II - TỰ ĐÁNH GIÁ

Hãy chọn một phương án trả lời đúng trong các câu sau đây :

- 1. Cơ quan tương đồng có ý nghĩa gì trong tiến hóa ?**
 - A. Phản ánh chức năng quy định cấu tạo.
 - B. Phản ánh sự tiến hóa phân li.
 - C. Phản ánh sự tiến hóa đóng quy.
 - D. Phản ánh nguồn gốc chung.
- 2. Sự giống nhau trong phát triển phôi của các loài thuộc các nhóm phân loại khác nhau phản ánh**
 - A. nguồn gốc chung của sinh vật.
 - B. sự tiến hóa phân li.
 - C. mức độ quan hệ giữa các nhóm loài.
 - D. quan hệ giữa phát triển cá thể và phát triển loài.
- 3. Đặc điểm nổi bật của động, thực vật ở đảo lục địa là gì ?**
 - A. Có sự du nhập các loài từ các nơi khác đến.
 - B. Giống với hệ động, thực vật ở vùng lục địa lân cận.
 - C. Có những loài đặc hữu.
 - D. Cả B và C.

- 4.** Đóng góp quan trọng của học thuyết Đacuyn là
- đề xuất biến dị cá thể có vai trò quan trọng cho tiến hoá.
 - đưa ra thuyết chọn lọc.
 - giải thích nguồn gốc chung các loài.
 - giải thích được sự hình thành đặc điểm thích nghi.
- 5.** Đóng góp chủ yếu của thuyết tiến hoá tổng hợp là
- giải thích được tính đa dạng và thích nghi của sinh giới.
 - tổng hợp các bằng chứng tiến hoá từ nhiều lĩnh vực.
 - làm sáng tỏ cơ chế tiến hoá nhỏ.
 - xây dựng cơ sở lý thuyết tiến hoá lớn.
- 6.** Theo thuyết tiến hoá hiện đại, đơn vị tiến hoá cơ sở ở những loài giao phối là
- cá thể.
 - quần thể.
 - nòi địa lí và nòi sinh thái.
 - loài.
- 7.** Các nhân tố có vai trò cung cấp nguyên liệu cho quá trình tiến hoá là
- quá trình giao phối và chọn lọc tự nhiên.
 - quá trình đột biến và các cơ chế cách li.
 - quá trình đột biến và biến động di truyền.
 - quá trình đột biến và quá trình giao phối.
- 8.** Nhân tố tiến hoá có vai trò định hướng cho quá trình tiến hoá nhỏ là
- quá trình đột biến.
 - biến động di truyền.
 - chọn lọc tự nhiên.
 - các cơ chế cách li.
- 9.** Mỗi quan hệ sinh học tạo cho cả hai loài đều cùng có lợi là
- quan hệ hội sinh.
 - quan hệ hợp tác.
 - quan hệ cộng sinh.
 - cả B và C.
- 10.** Kích thước quần thể thể hiện ở
- mật độ.
 - tỉ lệ đực/cái.
 - mức sinh sản và mức tử vong.
 - cấu trúc tuổi.